



CHƯƠNG 3

CHỨNG TỪ TÀI CHÍNH

Mục tiêu chương 3

- Diễn giải về các loại chứng từ tài chính.
- Liên hệ và thực hành các kiến thức chuyên sâu về chứng từ tài chính vào các tình huống cụ thể.
- Đọc hiểu, kiểm tra tính chính xác và lập các chứng từ tài chính, đặc biệt là hối phiếu.
- Giải thích, vận dụng và phân tích được các quy định trong luật quốc tế và các quy tắc tập quán quốc tế thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế như ULB 1930.

NỘI DUNG

3.1. HỎI PHIẾU

3.2. LỆNH PHIẾU

3.3. SÉC

HỒI PHIẾU

Exchange for US\$25,000.00

No. CI-00888

March 15 20 01

..... AT SIGHT **1** of this First of Exchange (Second Unpaid)

pay to the order of UVW Exports

the sum of Twenty Five Thousand U.S. Dollars

Drawn under documentary credit No. SB-87654 of The Sun Bank,
Sunlight City, Import-Country, dated January 26, 2001

To The Moon Bank

5 Moonlight Blvd.,

Export-City and Postal Code, Export-Country

UVW Exports



3.1. HỒI PHIẾU

BILL OF EXCHANGE – B/E/ DRAFT

Quá trình hình thành và phát triển:

- Cơ sở kinh tế đầu tiên của HP là hình thức tín dụng thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán chịu hàng hóa giữa các bên tham gia.
- HP dần hoàn thiện về hình thức và nội dung, thoát ly khỏi cơ sở kinh tế ban đầu: sau khi được ký phát, HP trở thành một loại giấy tờ có giá độc lập hoàn toàn với giao dịch kinh tế sản sinh ra nó.
- HP được sử dụng trong quan hệ tín dụng thương mại, tín dụng ngân hàng, chiết khấu, cầm cố, thế chấp, là phương tiện thanh toán trong các giao dịch khác, là hàng hóa để mua bán trên thị trường tiền tệ.

3.1. HỒI PHIẾU

Quá trình hình thành và phát triển:

1930: Công ước Geneve 1930 về Luật HP thống nhất được phê chuẩn (Uniform Law for Bills of Exchange – Geneve Convention 1930), hiệu lực tại các nước Châu Âu (trừ Anh).

- Hệ thống Luật các nước thuộc khối Anglo – saxon dựa trên cơ sở luật Hồi phiếu của Anh quốc (Bill of Exchange Act 1882)
- Luật thương mại thống nhất 1962 của Mỹ (Uniform Commercial Codes of 1962)
- Việt Nam: **pháp lệnh về thương phiếu** (dựa trên nền tảng công ước Geneve 1930) có hiệu lực từ ngày 01/07/2000 - **Luật các công cụ chuyển nhượng**, có hiệu lực từ 01/07/2006

3.1. HỒI PHIẾU

Khái niệm hồi phiếu

Khái niệm hồi phiếu

- Hồi phiếu là một tờ mệnh lệnh yêu cầu trả tiền vô điều kiện, do một người ký phát cho người khác, yêu cầu người này:
 - *Hoặc khi nhìn thấy phiếu*
 - *Hoặc tại một ngày cụ thể trong tương lai*
 - *Hoặc tại một ngày có thể xác định trong tương lai*
- Phải trả một số tiền nhất định cho một người nào đó, hoặc theo lệnh của người này trả cho người khác, hoặc trả cho người cầm phiếu

3.1. HỒI PHIẾU

Khái niệm hồi phiếu

Theo điều 4, “**Luật các công cụ chuyển nhượng**” của Việt Nam:

“Hồi phiếu là giấy tờ có giá do người ký phát lập, yêu cầu người bị ký phát thanh toán không điều kiện một số tiền xác định khi có yêu cầu hoặc vào một thời gian nhất định trong tương lai cho người thụ hưởng”

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.1. Các bên tham gia

1/ Người ký phát (drawer): Người lập và ký phát hành HP

- Người bán
- Nhà xuất khẩu
- Chủ nợ

2/ Người bị ký phát (drawee): Người có trách nhiệm thanh toán giá trị ghi trên HP

- Người mua
- Nhà nhập khẩu
- Con nợ
- NH phát hành thư tín dụng, NH nào đó được ngân hàng phát hành chỉ định (Trong phương thức tín dụng chứng từ)

3/ Người thụ hưởng (beneficiary): Người có quyền được nhận thanh toán số tiền ghi trên HP

Là bất cứ người nào được người ký phát chỉ định và ghi trên HP.

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.4. Tính chất của hồi phiếu

■ Tính trừu tượng của hồi phiếu

- Không cần nêu nguyên nhân lập hồi phiếu
- Hiệu lực pháp lý của HP không phụ thuộc vào nguyên nhân sinh ra HP.

■ Tính bắt buộc trả tiền của hồi phiếu

- Người bị ký phát phải trả tiền theo đúng nội dung của HP
- Người ký phát phải thanh toán cho người thụ hưởng nếu người bị ký phát không thanh toán
- Tranh chấp giải quyết có sự can thiệp của cơ quan pháp lý

■ Tính lưu thông của hồi phiếu

- Thanh toán tiền mua hàng/ trả các khoản nợ
- Có khả năng chuyển nhượng
- Cầm cố, thế chấp vay vốn ngân hàng
- Chiết khấu tại NHTM, tái chiết khấu tại NHTW

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.5. Chức năng của hồi phiếu

- Hồi phiếu là phương tiện thanh toán
- Hồi phiếu là phương tiện đảm bảo
- Hồi phiếu là một công cụ cấp tín dụng

MẪU HỒI PHIẾU THEO ULB

No:.....**2**.....**3**.....**4**....., 20XX

For:**5**.....

1 **BILL OF EXCHANGE**

At**6**..... Sight of this first Bill of exchange
(Second unpaid) pay to the order of.....**7**.....

The sum of.....**8**.....

To:
.....**9**.....
.....

Authorized Signature

.....**10**.....
.....

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

1. Tiêu đề hồi phiếu
2. Số hồi phiếu
3. Địa điểm lập hồi phiếu
4. Ngày, tháng lập hồi phiếu
5. Giá trị hồi phiếu được ghi bằng số
6. Thời hạn thanh toán
7. Người thụ hưởng hồi phiếu
8. Giá trị hồi phiếu được ghi bằng chữ
9. Tên, địa chỉ người bị ký phát
10. Tên, địa chỉ người ký phát

3.1. HỒI PHIẾU

BILL OF EXCHANGE

No: 012013MDF.US

For: JPY 4,350,000.00

THAILAND, 9TH MAY 2008

At XXX sight of this first Bill of Exchange (second of the same tenor and date being unpaid)

Pay to the order of BANK THAILAND the sum of JAPANESE YEN FOUR MILLION AND THREE HUNDRED AND FIFTY THOUSAND ONLY

Value received as per our invoice(s) No.....dated.....

Drawn under.....

Confirmed / irrevocable / without recourse L/C No.....

Dated/Wired.....

TO: ISSUING BANK VN

Name and address of Drawer

THAITEC

3.1. HỒI PHIẾU

Lưu ý (khi thành lập HP trên mẫu in sẵn)

- Việc điền nội dung thực hiện bằng đánh máy hoặc viết tay, bằng mực không phai, không dùng mực đỏ, bút chì;
- Ngôn ngữ điền vào chỗ trống phải thống nhất với ngôn ngữ của mẫu in sẵn (ngoại trừ tên các bên, địa danh không thể phiên âm hay phiên dịch được);
- Đối với HP trả chậm, vị trí dành để thực hiện thủ tục chấp nhận thường ở góc trái, bề mặt trước của HP.

3.1. HỎI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hỏi phiếu

1. TIÊU ĐỀ HỎI PHIẾU

- Đây là nội dung bắt buộc ghi trên tờ HP, đó là chữ **Hỏi phiếu** hoặc **Bill of exchange** (B/E)
- Phải ghi cùng thứ tiếng lập hỏi phiếu
- Chú ý: *Theo BEA và UCC, không nhất thiết phải ghi tiêu đề Hỏi phiếu/ Bill of exchange.*

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

2. LỆNH THANH TOÁN/ CHẤP NHẬN THANH TOÁN

- Lệnh thanh toán là mệnh lệnh trả tiền vô điều kiện số tiền nhất định: số tiền được quy định cụ thể trên HP
- Số tiền ghi trên HP:

Chú ý:

- + Nếu số tiền bằng chữ và bằng số không khớp nhau thì thanh toán theo số tiền bằng chữ.
- + Nếu số tiền cùng ghi bằng chữ hoặc cùng ghi bằng số (ghi 2 lần trở lên) không khớp nhau thì thanh toán theo số tiền nhỏ nhất và ghi bằng chữ.

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

3. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ NGƯỜI BỊ KÝ PHÁT

- Người bị ký phát là người trả tiền, là nhà nhập khẩu trong phương thức nhờ thu/ ngân hàng phát hành trong phương thức tín dụng chứng từ
- Giúp người thụ hưởng xác định nơi, đối tượng xuất trình hồi phiếu để được thanh toán/ chấp nhận thanh toán

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

4. THỜI HẠN THANH TOÁN HỒI PHIẾU

- Thanh toán ngay khi nhìn thấy/khi xuất trình (payable at sight / payable on demand / payable on presentment):
 - **AT SIGHT**
- Thanh toán tại một thời điểm nhất định sau khi nhìn thấy
 - **AT X DAYS AFTER SIGHT**
- Thanh toán tại một thời điểm nhất định sau ngày ký phát
 - **AT X DAYS AFTER DATE**
- Thanh toán tại một thời điểm nhất định sau ngày vận đơn
 - **AT X DAYS AFTER BILL OF LADING DATE**
- Thanh toán tại một ngày nhất định trong tương lai
 - **ON ...**
- Chú ý: thời hạn xuất trình để thanh toán
 - *Trong vòng 1 năm (ULB 1930)*
 - *90 ngày (Luật các công cụ chuyển nhượng của Việt Nam)*

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

5. ĐỊA ĐIỂM THANH TOÁN

- Nếu không có quy định khác, địa chỉ của người bị ký phát được xem là địa điểm thanh toán của HP.
- Hiện nay, thường chọn ngân hàng nơi người bị ký phát mở tài khoản giao dịch làm địa điểm thanh toán (trên HP sẽ ghi cả số tài khoản của người bị ký phát)

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

6. TÊN ĐỊA CHỈ NGƯỜI THỤ HƯỞNG

- Khi người thụ hưởng là người ký phát: có thể ghi: **Pay to me, pay to + Tên công ty...**
- Khi người thụ hưởng là đích danh: **Pay to Mr.A**
- Khi người thụ hưởng theo lệnh: **Pay to the order of Mr. A**
- Khi người thụ hưởng là người cầm hồi phiếu: **Pay to bearer, pay to holder, pay to...**

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

7. NGÀY KÝ PHÁT

- Ngày ký phát là ngày HP được lập (Không được trước ngày xác nhận người bán đã giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ)
- Ngày ký phát là cơ sở để xác định ngày thanh toán HP trong trường hợp thanh toán HP là: *At X days after B/E date*)

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

8. TÊN, ĐỊA CHỈ, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI KÝ PHÁT

- Chỉ những người có thẩm quyền mới được phép ký tên với tư cách người ký phát HP
- Chữ ký phải được ký bằng tay
- Không được đóng dấu đè lên chữ ký
- Người ký phát chịu trách nhiệm thanh toán cuối cùng cho người hưởng lợi HP

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.6. Nội dung hồi phiếu

MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

Số bản của HP: HP có thể được ký phát thành nhiều bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Value received as per our invoice(s)

No.....dated.....

Drawn under.....

Confirmed / irrevocable / without recourse L/C No ...

Dated/Wired.....

- *Nội dung này không bắt buộc phải thể hiện*
- *Chỉ là thông tin có tính chất tham chiếu và hướng dẫn*
- *Không phải là căn cứ để chấp nhận hoặc từ chối thanh toán HP*

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu

- 1. Phát hành hối phiếu**
- 2. Chấp nhận hối phiếu (Acceptance)**
- 3. Bảo lãnh hối phiếu (Aval)**
- 4. Ký hậu hối phiếu (Endorsement)**
- 5. Chiết khấu hối phiếu (Discount)**
- 6. Thanh toán hối phiếu (Payment)**
- 7. Kháng nghị (Protest)**

3.1. HỎI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hỏi phiếu

1. PHÁT HÀNH HỎI PHIẾU

Người ký phát:

- Thường là người xuất khẩu
- Đảm bảo cho HP tuân thủ chặt chẽ về mặt hình thức và nội dung
- Phải thanh toán HP khi người bị ký phát từ chối thanh toán

Người bị ký phát:

- Là người nhập khẩu (Phương thức nhờ thu)
- Là ngân hàng phát hành (Phương thức tín dụng chứng từ)

3.1. HỎI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hỏi phiếu

2. CHẤP NHẬN HỎI PHIẾU (ACCEPTANCE)

Chấp nhận HP là hành vi của người bị ký phát cam kết thanh toán HP khi đến hạn.

- Cách thực hiện:

- + Chấp nhận trực tiếp
- + Chấp nhận bằng thư, điện thông báo

- Chấp nhận là vô điều kiện

- Ngày tháng chấp nhận: HP kỳ hạn X ngày từ ngày ký chấp nhận.

3.1. HỎI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hỏi phiếu

3. BẢO LÃNH HỎI PHIẾU (AVAL)

- Là cam kết của người thứ ba trả tiền toàn bộ hoặc một phần giá trị HP cho người thụ hưởng khi HP đến hạn thanh toán.
- Thể hiện bằng cách ghi chữ “Bảo lãnh- Aval” vào mặt trước hoặc mặt sau của tờ HP và ký tên.

Trách nhiệm của người bảo lãnh:

- Bảo lãnh cho người thứ 3 có thể là người phát hành, người bị ký phát, người chấp nhận...
- Có quyền phát sinh từ HP với người được bảo lãnh và người có trách nhiệm khác liên quan đến HP

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hồi phiếu

4. KÝ HẬU HỒI PHIẾU (ENDORSEMENT)

Ký hậu HP là hành vi của người hưởng lợi HP chuyển nhượng quyền này cho một người khác

Cách thức ký hậu:

Người thụ hưởng ký hậu vào mặt sau của tờ HP: to the order of....

Ý nghĩa:

- Thừa nhận quyền hưởng lợi HP cho người thụ hưởng khác
- Đây là hành động vô điều kiện, trù tuợng
- Người chuyển nhượng cũng có trách nhiệm thanh toán cho người thụ hưởng sau.

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hồi phiếu

4. KÝ HẬU HỒI PHIẾU (ENDORSEMENT)

Các hình thức ký hậu:

- Ký hậu để trống (Blank Endorsement)
- Ký hậu theo lệnh (To the order Endorsement)
- Ký hậu đích danh/ hạn chế (Restrictive Endorsement)
- Ký hậu miễn truy đòi (withrecourse) và ký hậu có truy đòi (without recourse)

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hồi phiếu

5. CHIẾT KHẤU HỒI PHIẾU (DISCOUNT)

Là một dạng tài trợ ngắn hạn của ngân hàng cho người thụ hưởng HP, trong đó, người thụ hưởng chuyển nhượng HP chưa đáo hạn cho ngân hàng để nhận một số tiền bằng mệnh giá của HP trừ đi lãi suất chiết khấu và phí hoa hồng.

- **Trường hợp áp dụng:** các giao dịch được thanh toán theo phương thức ghi sổ hoặc nhờ thu trơn.
- **Các hình thức:** Chiết khấu truy đòi và chiết khấu miễn truy đòi.

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hồi phiếu

6. THANH TOÁN HỒI PHIẾU (PAYMENT)

- Thời hạn: Có thể trả ngay hoặc trả chậm
- HP trả ngay: Người thụ hưởng được thanh toán ngay khi xuất trình. Việc xuất trình được thực hiện trong vòng 1 năm từ ngày phát hành HP.
- HP trả chậm: Một khoảng thời gian sau ngày thấy HP, ngày chấp nhận HP là căn cứ xác định ngày thanh toán HP.

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.7. Các nghiệp vụ liên quan đến hồi phiếu

7. KHÁNG NGHỊ HỒI PHIẾU (PROTEST)

- Thực hiện khi người trả tiền từ chối thanh toán/ chấp nhận trước sự xuất trình hợp lệ tờ HP, khi đó người thụ hưởng có quyền kháng nghị HP để đòi tiền người chuyển nhượng trước hoặc người ký phát HP.
- Người hưởng lợi lập đơn kháng nghị trong thời hạn pháp luật cho phép (2 ngày làm việc kể từ ngày HP đến hạn thanh toán)
- Sau khi lập xong đơn kháng nghị, người bị từ chối thanh toán phải thông báo cho những người chuyển nhượng trước đó để đòi tiền (trong 4 ngày làm việc).

Bill of Exchange

London, 31 January 2000

Amount US\$ 250,000

At 60 days after sight

pay against this Sole Bill of Exchange

to the order of Ourselves

the sum of US Dollars Two hundred and fifty thousand

for value Received

To:

For and on behalf of:

Singapore Import Banking Company
Bank Street
Singapore

UK Export Company Ltd

Drawn under UK Export Banking
Company Ltd, Documentary Credit
Nº 12345, Dated 29 September 1999

Jas. Smith

James Smith, Director

BILL OF EXCHANGE

SEP. - 1. 2009

For US\$100,023.59

No. 97191029/01858

TOKYO

sight of this SECOND of exchange (FIRST of the same tenor

At *****

and date being unpaid) pay to

SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION

or order the sum of

U. S. DOLLARS ONE HUNDRED THOUSAND AND TWENTY-THREE CENTS FIFTY-NINE ONLY.

Value received and charge the same to account of

TAN VINH THANH MECHANICAL PRIVATE ENTERPRISE.

ADD:F6/22A, VINH LOC A VILLAGE,

BINH CHANH DIST, HCMC, VN (VIET NAM)

Drawn under (VBAAVNVX807) VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND
RURAL DEVELOPMENT (BINHCHANH BRANCH)

Letter Of Credit No. 6440ILS090700031

dated JUL. 21, 2009

TO: (VBAAVNVX807) VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND
RURAL DEVELOPMENT (BINHCHANH BRANCH)

HANWA CO., LTD

Credit to

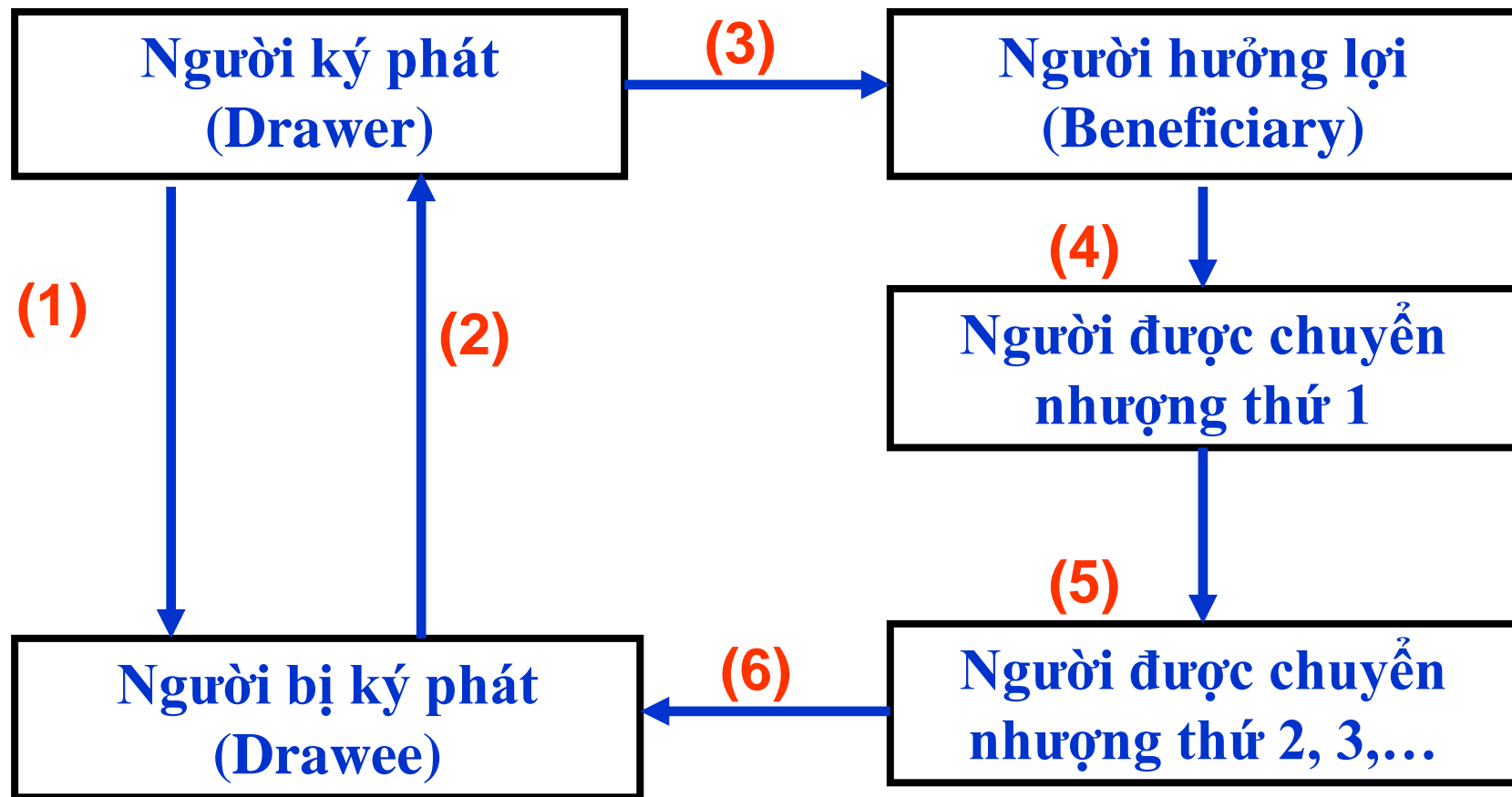
Manager.

3.1. HỒI PHIẾU

3.1.8. Phân loại hồi phiếu

Căn cứ phân loại	Các loại hồi phiếu
Người ký phát	<ul style="list-style-type: none">- HP thương mại (trade bill)- HP ngân hàng (bank bill)
Thời điểm thanh toán	<ul style="list-style-type: none">- HP trả ngay (sight bill)- HP có kỳ hạn (time bill)
Cách xuất trình chứng từ	<ul style="list-style-type: none">- HP trơn (Clean Bill)-HP kèm chứng từ (Documentary Bill)
Tính chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none">- HP đích danh (Nominal Bill).- HP vô danh (Bearer Bill)- HP theo lệnh (To order bill)

Sơ đồ quá trình lưu thông hối phiếu



3.2. LỆNH PHIẾU (*Promissory Note*)

Khái niệm

- Lệnh phiếu là một cam kết trả tiền vô điều kiện do người lập phiếu ký phát hứa trả một số tiền nhất định cho một người khác, hoặc trả theo lệnh của người này hoặc trả cho người cầm phiếu.
- Lệnh phiếu (hối phiếu nhận nợ): con nợ tự lập và ký phát hành hối phiếu để nhận nợ với chủ nợ.
- Về quy tắc lưu thông, hối phiếu và lệnh phiếu giống nhau. Các điều luật dùng để điều chỉnh hối phiếu cũng được áp dụng tương tự cho một lệnh phiếu.
- So với hối phiếu, lệnh phiếu ít được sử dụng trong thương mại quốc tế hơn.

3.2. LỆNH PHIẾU (*Promissory Note*)

Nội dung của lệnh phiếu

Promissory Note

Singapore, 31.01.2000

Amount US\$ 250,000

On 25 April 2000 we promise to pay against this Promissory Note
the sum of US Dollars Two hundred and fifty thousand
to the order of UK Export Company Ltd
for value Received

Payable at:

UK Export Banking Company plc
Sterling Street
London, UK

For and on behalf of:

Import Buyer Company
Singapore

C.E. Lee

Managing Director

3.2. LỆNH PHIẾU (*Promissory Note*)

Nội dung của lệnh phiếu

Trong lệnh phiếu phải thể hiện được các nội dung sau:

- 1/ Tiêu đề lệnh phiếu
- 2/ Số lệnh phiếu
- 3/ Địa chỉ lập lệnh phiếu
- 4/ Ngày tháng lập lệnh phiếu
- 5/ Giá trị lệnh phiếu
- 6/ Người thụ hưởng lệnh phiếu
- 7/ Thời hạn thanh toán
- 8/ Giá trị lệnh phiếu được ghi bằng chữ
- 9/ Tên, địa chỉ, chữ ký của người ký phát

3.3. SÉC (Check, Cheque)

MD000000 Số tiền được phép ký phát: <i>Paying Facility</i> _____ Số tiền ký phát: <i>Paying Amount</i> _____ Người được trả tiền: <i>Payee</i> _____ _____ _____ Ngày ký phát: ____/____/____ <i>Date of issue</i>	MARITIME BANK Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	SÉC CHEQUE	Thanh toán tại: Mọi Điểm Giao Dịch Maritime Bank <i>Payable at: Any Maritime Bank Transaction Counter</i>
			MD000000 Ngày Ký phát/Date of issue ____/____/____ Ngày/DD Tháng/MN Năm/YY
		Trả cho: _____ <i>Pay to</i>	
	Số tiền bằng chữ: _____ <i>Amount in words</i>	Số tiền _____ <i>Amount</i>	Loại tiền _____ <i>Currency</i>
	Người ký phát: _____ <i>Drawer</i>		BẢO CHỨ CERTIFIED BY Ngày ____ Tháng ____ Năm ____ <i>Date Month Year</i>
Số tài khoản: _____ <i>Account No.</i>	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>	Người Ký Phát (ký tên, đóng dấu) <i>Drawer (Signature, stamp)</i>	

3.3. SÉC (Check, Cheque)

Khái niệm

- Séc là một tờ mệnh lệnh vô điều kiện do một người (chủ tài khoản) ra lệnh cho ngân hàng trích từ tài khoản của mình một số tiền nhất định để trả cho người được chỉ định trên tờ séc, hoặc trả theo lệnh của người này, hoặc trả cho người cầm séc.

- *Theo Luật các công cụ chuyển nhượng:*

“Séc là giấy tờ có giá do người ký phát lập, ra lệnh cho người bị ký phát là ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được phép của NHNN Việt Nam trích một số tiền nhất định từ tài khoản của mình để thanh toán cho người thụ hưởng”

3.3. SÉC (Check, Cheque)

Nội dung của séc

Những nội dung bắt buộc của tờ séc

- Tiêu đề “Séc”
- Lệnh trả tiền vô điều kiện một số tiền nhất định
- Người trả tiền: là ngân hàng giữ tài khoản phát hành séc của khách hàng
- Nơi trả tiền
- Ngày tháng và nơi phát hành séc
- Tên, địa chỉ, số hiệu tài khoản và chữ ký của người phát hành séc

3.3. SÉC (Check, Cheque)

Điều kiện thành lập và thanh toán séc

- Séc phải có tiền bảo chứng
 - *Tại thời điểm phát hành*
 - *Tại thời điểm thanh toán*
- Điền vào chỗ trống của tờ séc những nội dung thích hợp
- Đảm bảo thời hạn xuất trình và thời hạn hiệu lực của séc:
 - *Thời hạn xuất trình: khoảng thời gian tờ séc phải được nộp vào NH. Trong thời hạn xuất trình này, người ký phát phải đảm bảo tài khoản đủ số dư thanh toán.*
 - *Thời hạn hiệu lực: thời hạn tờ séc có giá trị*
- Trường hợp: tờ séc được nộp vào NH quá thời hạn xuất trình nhưng còn trong thời hạn hiệu lực?

3.3. SÉC (Check, Cheque)

Thời hạn xuất trình và thời hạn hiệu lực

	Thời hạn xuất trình	Thời hạn hiệu lực
<i>ULC</i>	<ul style="list-style-type: none">▪ 8 ngày (séc lưu thông trong phạm vi quốc gia)▪ 20 ngày (séc lưu thông giữa các nước cùng lục địa)▪ 70 ngày (séc lưu thông giữa các nước khác lục địa)	1 năm kể từ ngày ký phát
<i>Luật các công cụ chuyển nhượng VN</i>	30 ngày từ ngày ký phát	6 tháng kể từ ngày ký phát

3.3. SÉC (Check, Cheque)

Các loại séc thông dụng

- Séc đích danh (Nominal Check)
- Séc vô danh (Bearer Check)
- Séc theo lệnh (To order Check)
- Séc gạch chéo (Crossed Check)
- Séc du lịch (Traveller's Check)
- Séc bảo chi (Certified Check)
- Séc chuyển khoản (Transfer Check)
- Séc tiền mặt (Cash Check)

3.3. SÉC (Check, Cheque)

Các bên liên quan

- ***Người ký phát (Drawer):*** là người phải trả tiền cho người thụ hưởng có tên trên tờ séc.
- ***Người thụ hưởng (Beneficiary):*** người được nhận số tiền trên tờ séc.
- ***Ngân hàng thu hộ (Collecting Bank):*** Ngân hàng phục vụ người thụ hưởng. Có trách nhiệm chuyển séc cho NH thanh toán để thu hộ tiền cho người thụ hưởng.
- ***Ngân hàng thanh toán (Paying Bank):*** ngân hàng nắm giữ tài khoản tiền gửi thanh toán séc của người ký phát séc.

3.3. SÉC (Check, Cheque)

Sơ đồ thanh toán séc

